

Số: /SYT-NVYD

V/v hướng dẫn thực hiện các chỉ tiêu,  
tiêu chí về y tế theo Chuẩn quốc gia  
nông thôn mới, Chuẩn quốc gia nông  
thôn mới nâng cao và huyện nông thôn  
mới giai đoạn 2021 – 2025

Lạng Sơn, ngày tháng 8 năm 2024

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg, ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ Tiêu chí quốc gia về xã đạt Chuẩn nông thôn mới và Bộ Tiêu chí quốc gia về xã đạt Chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 320/QĐ-TTg, ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 211/QĐ-TTg, ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ Sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1531/QĐ-BYT, ngày 05/6/2024 của Bộ Y tế ban hành về ban hành văn bản hợp nhất về hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí nông thôn mới và Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao cấp xã, huyện và tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế

Căn cứ Quyết định số 828/QĐ-UBND, ngày 12/5/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phân công Thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh và lãnh đạo các sở, ngành thực hiện nhiệm vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025; Sở Y tế đã chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương rà soát, tổng hợp và thống nhất hướng dẫn thực hiện các chỉ tiêu về an toàn thực phẩm đồng thời hướng dẫn chung các tiêu chí về y tế, như sau:

### **I. HƯỚNG DẪN CHUNG THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ VỀ Y TẾ:**

( tại Phụ Lục I kèm theo )

### **II. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM:**

**1. Công tác quản lý, chỉ đạo của Ban chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm tại địa phương**

TT	Loại tài liệu	Yêu cầu	Căn cứ pháp lý
1	Văn bản quản lý, chỉ đạo, điều hành		

1.1	Kế hoạch đảm bảo an toàn thực phẩm hàng năm của địa phương	- Đúng thẩm quyền, thể thức và còn hiệu lực; - Mục tiêu phù hợp, có giải pháp/nội dung thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể; - Có đủ nội dung về công tác: Thanh kiểm tra, xử trí ngộ độc thực phẩm; thông tin truyền thông ...	Quyết định 35/2020/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn
1.2	Quyết định thành lập/kiện toàn Ban Chỉ đạo liên ngành về Vệ sinh an toàn thực phẩm (còn hiệu lực)	- Trưởng Ban Chỉ đạo: Chủ tịch Ủy ban nhân dân trực tiếp làm Trưởng Ban - Phân công nhiệm vụ cụ thể hoặc kèm theo văn bản phân công nhiệm vụ (Quy chế hoạt động/Quy chế phối hợp ...)	Chỉ thị 13/CT-TTg ngày 09-05-2016 của Thủ tướng Chính phủ
1.3	Văn bản quản lý/chỉ đạo khác liên quan (nếu có)	(Kế hoạch, công văn, quyết định ...)	
<b>2.</b>	<b>Triển khai các hoạt động kiểm tra/giám sát trong các đợt cao điểm</b>		
2.1	Kế hoạch thực hiện các đợt cao điểm về an toàn thực phẩm hoặc kiểm tra đợt xuất do địa phương chủ trì	- Kế hoạch: Đúng thẩm quyền, thể thức;	Theo yêu cầu của cấp trên hoặc theo Thông tư 48/2015/TT-BYT ngày 01/12/2015 của Bộ Y tế (sửa đổi/bổ sung tại Thông tư 17/2023/TT-BYT
2.2	Báo cáo kết quả kiểm tra các đợt cao điểm	- Báo cáo: Đúng biểu mẫu ( <i>Tài liệu của năm đề nghị thẩm định /đánh giá</i> )	

## 2. Hướng dẫn chi tiết thực hiện các chỉ tiêu về an toàn thực phẩm

- Các chỉ tiêu về An toàn thực phẩm do Ngành Y tế quản lý (**phụ lục II kèm theo**).

- Các chỉ tiêu về An toàn thực phẩm do Ngành Nông nghiệp quản lý (**phụ lục III kèm theo**).

- Các chỉ tiêu về An toàn thực phẩm do Ngành Công Thương quản lý (**phụ lục IV kèm theo**).

Trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc đề nghị UBND các huyện, thành phố phản ánh về Phòng Nghiệp vụ Y - Dược Sở Y tế (số điện thoại: 02053815962) để cùng trao đổi, tháo gỡ ./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh( báo cáo);
- Sở Nông nghiệp & PTNT (p/h);
- Sở Công Thương (p/h);
- Chi Cục ATVSTP;
- Chi Cục Dân số;
- Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật;
- Trung tâm Y tế các huyện, thành phố;
- Các phòng trực thuộc Sở Y tế;
- GD và các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, NVYD<sub>(PĐC)</sub>.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lý Kim Soi**

**Phụ lục I**

**Hướng dẫn chung thực hiện các chỉ tiêu về y tế**

(Kèm theo công văn số /SYT-NVYD, ngày tháng 8 năm 2024 của Sở Y tế)

**I. CHỈ TIÊU CỤ THỂ THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ**

**1. Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới**

Tiêu chí số 15 về Y tế.

Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
		Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%
15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤18%	≤24%	≤16,5%	≤25%	≤22%	≤26,5%	≤14,5%	≤19%
15.4. Xã triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

**2. Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao**

Tiêu chí số 14 về Y tế.

Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
		Trung du miền	Đồng bằng sông	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông

		núi phía Bắc	Hồng		Trung Bộ			Cửu Long
14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥95%	≥95%	≥95%	≥95%	≥95%	≥95%	≥95%	≥95%
14.2. Xã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
14.3. Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
14.4. Xã triển khai thực hiện tốt số khám chữa bệnh đi□n tử	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

### 3. Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới

- Chỉ tiêu 5.1. Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn thuộc tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục.

- Quyết định số [263/QĐ-TTg](#) ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Y tế chủ trì Nội dung 08: Tiếp tục xây dựng, cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho các trạm y tế xã, trung tâm y tế huyện (thuộc thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền), trong đó có mục tiêu số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục. Do vậy, tiêu chí trung tâm y tế huyện đạt chuẩn là về cơ sở hạ tầng.

### 4. Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao

Chỉ tiêu 5.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ≥95%, thuộc tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục.

### 5. Tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã

Chỉ tiêu 5.1. Có Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn hoặc có Trung tâm y tế quân dân y theo quy định.

## II. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU VỀ Y TẾ

### 1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (Tiêu chí 15.1 xã nông thôn mới và tiêu chí 14.1 xã nông thôn mới nâng cao)

#### 1.1. Khái niệm/định nghĩa

- Là số người dân tham gia bảo hiểm y tế (BHYT) tính trên 100 người dân của một khu vực trong năm báo cáo.
- Tử số: Số người dân tham gia BHYT của một khu vực trong năm báo cáo.
- Mẫu số: Dân số trung bình của khu vực đó trong năm báo cáo.
- Dạng số liệu: Tỷ lệ phần trăm.

**1.2. Nguồn số liệu, đơn vị chịu trách nhiệm, kỳ báo cáo:** Báo cáo định kỳ hàng năm của Bảo hiểm xã hội tỉnh, Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

#### 1.3. Hướng dẫn thực hiện

- Chỉ tiêu thực hiện bao phủ BHYT giai đoạn 2022 - 2025 được giao cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tại Quyết định số 546/QĐ-TTg ngày 29/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật:

+ Chủ động đổi mới hình thức nội dung tuyên truyền để mọi người dân nắm vững về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế.

+ Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế dưới nhiều hình thức (tọa đàm, vận động đối thoại trực tiếp, hội nghị, hội thảo trao đổi về chính sách...) đến người dân.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đơn giản hóa thủ tục tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia bảo hiểm y tế.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra các đơn vị sử dụng lao động có dấu hiệu vi phạm về tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo các sở, ban ngành có liên quan rà soát việc lập danh sách, cấp phát thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng được Ngân sách nhà nước mua thẻ BHYT để tránh trường hợp cấp trùng thẻ.

### 2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế (Tiêu chí 15.2 xã nông thôn mới)

#### 2.1. Khái niệm/định nghĩa

Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế là xã được cấp có thẩm quyền công nhận đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế theo quy định của Bộ Y tế.

**2.2. Nguồn số liệu, đơn vị chịu trách nhiệm, kỳ báo cáo:** Số liệu định kỳ của Báo cáo giám sát hàng năm từ cơ sở y tế, Sở Y tế, Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ

Kế hoạch -Tài Chính, Bộ Y tế.

### **2.3. Hướng dẫn thực hiện**

Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 được ban hành kèm theo Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của Bộ Y tế, trong đó lưu ý một số nội dung sau:

- Bộ tiêu chí được áp dụng để đánh giá các hoạt động bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân của toàn xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã), mà không chỉ đánh giá hoạt động của trạm y tế xã. Mục đích chính của Bộ tiêu chí là tạo ra các tiêu chuẩn để đáp ứng tốt nhất nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ở từng vùng, miền.

- Những chỉ tiêu trong Bộ tiêu chí là những yêu cầu cơ bản cần đạt, có những trường hợp đã đạt được các tiêu chí trong Bộ tiêu chí nhưng chưa đạt được các quy định, tiêu chuẩn trong một số quy định khác do Bộ Y tế ban hành thì vẫn phải tiếp tục phấn đấu để đạt các yêu cầu, tiêu chuẩn đó.

- Các tiêu chí đánh giá dựa theo các quy định hiện hành. Khi các quy định đó thay đổi thì tiêu chí đánh giá cũng cần thay đổi theo cho phù hợp.

- Các địa phương có thể cụ thể hóa, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể về điều kiện địa lý, kinh tế - xã hội, mô hình bệnh tật của từng địa phương. Tất cả các điều chỉnh, bổ sung của địa phương cần gửi về Bộ Y tế để tổng hợp; trong trường hợp cần thiết, Bộ Y tế sẽ có văn bản góp ý.

- Việc đánh giá thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã được thực hiện hằng năm. Xã được công nhận đạt tiêu chí quốc gia về y tế có thời hạn trong vòng 3 năm. Nếu các năm tiếp theo không đạt Bộ tiêu chí thì phải rút danh hiệu đã công nhận.

## **3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (Tiêu chí 15.3 xã nông thôn mới)**

### **3.1. Khái niệm/định nghĩa**

- Là số trẻ em dưới 5 tuổi có chỉ số chiều cao theo tuổi thấp dưới trừ hai độ lệch chuẩn (-2SD) của chiều cao trung vị thuộc quần thể tham khảo của Tổ chức Y tế Thế giới tính trên 100 trẻ được đo chiều cao của một khu vực tại thời điểm điều tra.

- Tử số: Số trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi của một khu vực tại thời điểm điều tra.

- Mẫu số: Số trẻ em dưới 5 tuổi của khu vực được đo chiều cao tại thời điểm điều tra.

- Dạng số liệu: Tỷ lệ phần trăm.

**3.2. Nguồn số liệu, đơn vị chịu trách nhiệm, kỳ báo cáo:** từ điều tra, báo cáo của Viện Dinh dưỡng, hoặc của đơn vị chuyên môn phụ trách về dinh dưỡng ở cấp tỉnh, cấp huyện.

### **3.3. Hướng dẫn thực hiện**

- Mục tiêu giảm suy dinh dưỡng thể thấp còi tại các xã nông thôn mới:

+ Giảm ít nhất 1,5%/năm tại những xã có tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trên 30%.

+ Giảm ít nhất 1,0%/năm tại những xã có tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi từ 20 đến 30%.

+ Giảm ít nhất 0,7%/năm tại những xã có tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi dưới 20%.

+ Giảm ít nhất 0,5%/năm tại những xã có tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi dưới 10% và khống chế ở mức 5-6%.

- Phân loại cấp độ ưu tiên cho các can thiệp

+ Xã ưu tiên nhóm A: tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi > 30%.

+ Xã ưu tiên nhóm B: tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi từ 20-30%.

+ Xã ưu tiên nhóm C: tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở mức dưới 20%.

- Can thiệp dinh dưỡng:

+ Can thiệp dinh dưỡng thuộc các xã ưu tiên nhóm A, B:

Nội dung can thiệp: Can thiệp toàn diện lên tất cả các nguyên nhân dẫn đến tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em.

Các hoạt động ưu tiên: Kiện toàn và nâng cao chất lượng mạng lưới nhất là đội ngũ cộng tác viên/y tế thôn bản; Cung cấp vật tư trang thiết bị; Tăng cường truyền thông giáo dục dinh dưỡng, bổ sung vitamin A, bổ sung đa vi chất; điều trị suy dinh dưỡng cấp tính, tẩy giun cho trẻ em....

Ưu tiên ngân sách: Ưu tiên sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên (trung ương và của tỉnh) và phối hợp sử dụng các nguồn ngân sách khác (nếu có).

+ Can thiệp dinh dưỡng thuộc các xã ưu tiên nhóm C:

Nội dung can thiệp: thực hiện các can thiệp tập trung vào giai đoạn trong và sau khi mang thai

Các hoạt động ưu tiên: Truyền thông giáo dục dinh dưỡng, bổ sung vitamin A, hướng dẫn bổ sung đa vi chất; điều trị suy dinh dưỡng cấp tính....

Ưu tiên ngân sách: Nguồn kinh phí trung ương và của tỉnh (ngân sách chi thường xuyên) hỗ trợ cho các hoạt động thiết yếu, duy trì mạng lưới. Ngân sách còn lại sẽ được lấy từ nguồn xã hội hóa. Trong điều kiện nguồn kinh phí hụt động đủ thì có thể thực hiện các hoạt động can thiệp theo nhóm A và B.

- Hướng dẫn chi tiết tại Quyết định số [1858/QĐ-BYT](#) ngày 06/7/2022 của Bộ Y tế và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

**4. Xã triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử (Tiêu chí 15.4 xã nông thôn mới)**

#### **4.1. Xã được đánh giá “Đạt” đến tháng 12/2024**

- Đã ban hành các văn bản theo thẩm quyền để triển khai thực hiện.
- Đã chuẩn bị cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để thực hiện tiêu chí. Bảo đảm tối thiểu có:
  - + Có phòng làm việc, có bộ bàn ghế văn phòng;
  - + Có tối thiểu 01 máy tính để bàn có kết nối mạng internet;
  - + Đã cài đặt ứng dụng, phần mềm để thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử;
  - + Đã đào tạo cho nhân viên y tế sử dụng thành thạo phần mềm.
- Đã xây dựng các phương án kết nối liên thông dữ liệu với ban, ngành liên quan tại địa phương như: cơ quan Bảo hiểm xã hội, ngành Công an... Đối tượng đánh giá mục này là Sở Y tế, dựa trên 2 khía cạnh sau:
  - + Sở Y tế đã làm việc, chuẩn bị phương án kết nối với Sở, Ban, ngành của tỉnh như: Sở Công an, Bảo hiểm xã hội của tỉnh...
  - + Sở Y tế đã đào tạo hướng dẫn các cơ sở y tế thực hiện kết nối.

*Kết quả đánh giá Sở Y tế áp dụng chung cho toàn bộ các xã trên địa bàn tỉnh.*

#### **4.2. Xã được đánh giá “Đạt” đến tháng 12/2025**

- Đạt tất cả tiêu chí tại điểm 4.1 khoản 4 Phụ lục này.
- Đã được đào tạo chuyên giao kỹ thuật để thực hiện.
- Đã tuyên truyền cho người dân để thực hiện tiêu chí.
- Số lượt khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh tại xã (bao gồm các cơ sở công lập và ngoài công lập) sử dụng các ứng dụng điện tử như sổ sức khỏe điện tử hoặc sổ khám chữa bệnh điện tử, y bạ điện tử... đạt tối thiểu 20%.

### **5. Xã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử (Tiêu chí 14.2 xã nông thôn mới nâng cao)**

#### **5.1. Xã được đánh giá “Đạt” đến tháng 12/2024**

- Đã ban hành các văn bản theo thẩm quyền để triển khai thực hiện.
- Đã chuẩn bị cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để thực hiện tiêu chí. Bảo đảm tối thiểu có:
  - + Có phòng làm việc, có bộ bàn ghế văn phòng;
  - + Có tối thiểu 01 máy tính để bàn có kết nối mạng internet;
  - + Đã cài đặt ứng dụng, phần mềm để thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử;
  - + Đã đào tạo cho nhân viên y tế sử dụng thành thạo phần mềm.
- Đã xây dựng các phương án kết nối liên thông dữ liệu với ban, ngành

liên quan tại địa phương như: cơ quan Bảo hiểm xã hội, ngành Công an... Đối tượng đánh giá mục này là Sở Y tế, dựa trên 2 khía cạnh sau:

+ Sở Y tế đã làm việc, chuẩn bị phương án kết nối với Sở, Ban, ngành của tỉnh như: Sở Công an, Bảo hiểm xã hội của tỉnh...

+ Sở Y tế đã đào tạo hướng dẫn các cơ sở y tế thực hiện kết nối.

*Kết quả đánh giá Sở Y tế áp dụng chung cho toàn bộ các xã trên địa bàn tỉnh.*

### **5.2. Xã được đánh giá “Đạt” đến tháng 12/2025**

- Đạt tất cả tiêu chí tại điểm 5.1, khoản 5 Phụ lục này.

- Đã được đào tạo chuyển giao kỹ thuật để thực hiện.

- Đã tuyên truyền cho người dân để thực hiện tiêu chí.

- Số người dân sử dụng các ứng dụng điện tử như sổ sức khỏe điện tử hoặc sổ khám chữa bệnh điện tử, y bạ điện tử... đạt tối thiểu 20%.

### **6. Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa (Tiêu chí 14.3 xã nông thôn mới nâng cao)**

#### **6.1. Xã được đánh giá “Đạt” đến tháng 12/2024**

- Đã ban hành các văn bản theo thẩm quyền để triển khai thực hiện.

- Đã chuẩn bị cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để thực hiện tiêu chí. Bảo đảm tối thiểu có:

+ Có phòng làm việc, có bộ bàn ghế văn phòng;

+ Có tối thiểu 01 máy tính để bàn có kết nối mạng internet;

+ Đã cài đặt ứng dụng, phần mềm để thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử;

+ Đã đào tạo cho nhân viên y tế sử dụng thành thạo phần mềm.

- Đã xây dựng các phương án kết nối liên thông dữ liệu với ban, ngành liên quan tại địa phương như: cơ quan Bảo hiểm xã hội, ngành Công an... Đối tượng đánh giá mục này là Sở Y tế, dựa trên 2 khía cạnh sau:

+ Sở Y tế đã làm việc, chuẩn bị phương án kết nối với Sở, Ban, ngành của tỉnh như: Sở Công an, Bảo hiểm xã hội của tỉnh...

+ Sở Y tế đã đào tạo hướng dẫn các cơ sở y tế thực hiện kết nối.

*Kết quả đánh giá Sở Y tế áp dụng chung cho toàn bộ các xã trên địa bàn tỉnh.*

#### **6.2. Xã được đánh giá “Đạt” đến tháng 12/2025**

- Đạt tất cả tiêu chí tại điểm 6.1, khoản 6 Phụ lục này.

- Đã được đào tạo chuyển giao kỹ thuật để thực hiện.

- Đã tuyên truyền cho người dân để thực hiện tiêu chí.

- Có hạ tầng kỹ thuật, thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị chuyên dụng,

phần mềm công nghệ thông tin phù hợp với loại hình dịch vụ cung cấp và bảo đảm việc truyền tải, hiển thị, xử lý, lưu trữ dữ liệu an toàn, bảo mật. Bảo đảm thời gian lưu trữ, dự phòng dữ liệu đáp ứng quy định của pháp luật...

## **7. Xã triển khai thực hiện tốt sổ khám chữa bệnh điện tử (Tiêu chí 14.4 xã nông thôn mới nâng cao)**

### **7.1. Xã được đánh giá “Đạt” đến tháng 12/2024**

- Đã ban hành các văn bản theo thẩm quyền để triển khai thực hiện.  
- Đã chuẩn bị cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để thực hiện tiêu chí. Bảo đảm tối thiểu có:

- + Có phòng làm việc, có bộ bàn ghế văn phòng;
- + Có tối thiểu 01 máy tính để bàn có kết nối mạng internet;
- + Đã cài đặt ứng dụng, phần mềm để thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử;

+ Đã đào tạo cho nhân viên y tế sử dụng thành thạo phần mềm.

- Đã xây dựng các phương án kết nối liên thông dữ liệu với ban, ngành liên quan tại địa phương như: cơ quan Bảo hiểm xã hội, ngành Công an... Đối tượng đánh giá mục này là Sở Y tế, dựa trên 2 khía cạnh sau:

+ Sở Y tế đã làm việc, chuẩn bị phương án kết nối với Sở, Ban, ngành của tỉnh như: Sở Công an, Bảo hiểm xã hội của tỉnh...

+ Sở Y tế đã đào tạo hướng dẫn các cơ sở y tế thực hiện kết nối.

*Kết quả đánh giá Sở Y tế áp dụng chung cho toàn bộ các xã trên địa bàn tỉnh.*

### **7.2. Xã được đánh giá “Đạt” đến tháng 12/2025**

- Đạt tất cả tiêu chí tại điểm 7.1, khoản 7 Phụ lục này.
- Đã được đào tạo chuyển giao kỹ thuật để thực hiện.
- Đã tuyên truyền cho người dân để thực hiện tiêu chí.
- Số lượt khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh tại xã (bao gồm các cơ sở công lập và ngoài công lập) sử dụng các ứng dụng điện tử như sổ sức khỏe điện tử hoặc sổ khám chữa bệnh điện tử, y bạ điện tử... đạt tối thiểu 20%.

## **8. Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn về cơ sở hạ tầng (Chỉ tiêu 5.1 Tiêu chí 5 huyện nông thôn mới)**

- Hiện nay cơ sở pháp lý liên quan đến xây dựng cơ sở hạ tầng của Trung tâm y tế huyện vận dụng theo các văn bản: (1) Thông tư số [07/2021/TT-BYT](#) ngày 27/5/2021 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm y tế huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; (2) Quyết định số [1300/QĐ-BYT](#) ngày 09/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế, ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030; (3) Quyết định số [2367/QĐ-BYT](#) ngày 04/07/2007 của Bộ trưởng

Bộ Y tế, ban hành “Mô hình - Tiêu chuẩn Thiết kế Trung tâm y tế dự phòng tuyến quận, huyện, thành phố trực thuộc tỉnh”; (4) Tiêu chuẩn quốc gia [TCVN 9213 : 2012](#) Bệnh viện quận huyện - Tiêu chuẩn thiết kế; (5) Tiêu chuẩn quốc gia [TCVN 9214 : 2012](#) Phòng khám đa khoa khu vực - Tiêu chuẩn thiết kế.

- Bộ Y tế tạm thời hướng dẫn nội dung Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn về cơ sở hạ tầng dưới đây (có thể sẽ chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp sau khi khảo sát thực tế việc tổ chức sắp xếp các phòng chức năng, các khoa chuyên môn theo Thông tư số [07/2021/TT-BYT](#) tại một số địa phương).

- Về cơ sở hạ tầng Trung tâm y tế huyện có thể có nhiều cơ sở khác nhau; Tiêu chí xét độc lập các đơn vị thuộc Trung tâm y tế huyện phải đáp ứng các yêu cầu cụ thể như sau:

- Về mặt bằng tổng thể:

+ Vị trí khu đất xây dựng của từng đơn vị thuộc Trung tâm phải phù hợp với quy hoạch được duyệt, có giao thông thuận lợi.

+ Đối với đơn vị hành chính cấp huyện có Bệnh viện đa khoa từ Hạng III trở lên: Tùy từng quy mô cụ thể nhưng chỉ tiêu diện tích khu đất xây dựng bình quân cho một giường bệnh đáp ứng theo tiêu chuẩn quốc gia thiết kế bệnh viện quận, huyện (Tiêu chuẩn quốc gia [TCVN 9213:2012](#));

+ Đối với đơn vị Phòng khám đa khoa khu vực (nếu có), tiêu chí về khu đất xây dựng và mặt bằng tổng thể tuân thủ tiêu chuẩn quốc gia về Phòng khám đa khoa khu vực (Tiêu chuẩn quốc gia [TCVN 9214:2012](#));

+ Vị trí xây dựng và diện tích khu đất xây dựng đối với đơn vị Trạm y tế xã, phường, thị trấn đảm bảo theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

- Về các khoa phòng chức năng: Các đơn vị thuộc Trung tâm bố trí tại một hoặc nhiều địa điểm khác nhau, tuy nhiên khi đánh giá độc lập từng đơn vị/khoa phòng chức năng đảm bảo các tiêu chí sau:

+ Có số lượng khoa phòng chức năng phù hợp với quy mô hoạt động của Trung tâm. Các khoa phòng chức năng và các khoa chuyên môn phải tuân thủ theo Thông tư số [07/2021/TT-BYT](#) ngày 27/5/2021 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm y tế huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

+ Diện tích các phòng lãnh đạo, các phòng chức năng thuộc Trung tâm đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia [TCVN 4601:2012](#) công sở cơ quan hành chính nhà nước; tuân thủ Nghị định [152/2017/NĐ-CP](#) ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

+ Diện tích các phòng trong các khoa chuyên môn (tùy theo nhiệm vụ và quy mô của khoa) tối thiểu, đạt theo tiêu chuẩn quốc gia thiết kế bệnh viện quận, huyện (Tiêu chuẩn quốc gia [TCVN 9213:2012](#)) và tiêu chuẩn quốc gia thiết kế bệnh viện đa khoa (Tiêu chuẩn quốc gia [TCVN 4470:2012](#)).

+ Diện tích các phòng chức năng của đơn vị Phòng khám đa khoa khu vực (nếu có) tối thiểu, đạt theo tiêu chuẩn quốc gia [TCVN 9214:2012](#) thiết kế bệnh viện quận, huyện.

+ Diện tích các phòng chức năng của đơn vị Trạm y tế xã, phường, thị trấn đảm bảo theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

- Cấp độ công trình: Cấp độ công trình hạng mục nhà chính từ cấp III trở lên, các hạng mục phụ trợ từ cấp IV trở lên, xác định cấp công trình theo Thông tư số [06/2021/TT-BXD](#) ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng.

- Về đảm bảo vệ sinh môi trường: đối với từng đơn vị thuộc Trung tâm

+ Có hệ thống thu gom và xử lý chất thải y tế theo quy định.

+ Có hệ thống thu gom và xử lý nước thải theo quy định.

+ Có phương án hoặc giải pháp cách ly giữa khu có nguy cơ lây nhiễm (nếu có) với các khu khác của Trung tâm.

- Các điều kiện khác: Có hệ thống cấp nước sạch đảm bảo tiêu chuẩn cấp nước sạch theo quy định.

### **9. Có Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn hoặc có Trung tâm y tế quân dân y theo quy định (đối với huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã)**

Quy mô về công trình của các cơ sở y tế phụ thuộc vào chức năng nhiệm vụ do địa phương quy định, tuy nhiên các tiêu chí đánh giá cơ bản tuân thủ yêu cầu tại Khoản 8 Phụ lục này (bỏ các nội dung yêu cầu đối đơn vị Trạm y tế xã, phường, thị trấn).

### **10. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định**

- Căn cứ chỉ tiêu số 17.5 “Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch” tại mục IV, phụ lục I Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và nội dung thành phần số 07 tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng chính phủ, Bộ Xây dựng là đơn vị chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung “*Cải tạo nghĩa trang phù hợp với cảnh quan môi trường; xây dựng mới và mở rộng các cơ sở mai táng, hỏa táng phải phù hợp với các quy định và theo quy hoạch*”.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Y tế hướng dẫn nội dung về “vệ sinh trong mai táng, hỏa táng”, nội dung này thực hiện theo quy định tại Thông tư số [21/2021/TT-BYT](#) ngày 26/11/2021.

### **11. Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm**

- Tăng cường hoạt động thông tin giáo dục truyền thông các quy định của pháp luật, chính sách, các chương trình hỗ trợ của chính quyền địa phương... về công tác bảo đảm an toàn thực phẩm đối với các hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

- Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát, hướng dẫn bảo đảm an toàn thực phẩm đối với các hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

- Thanh tra các hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của địa phương và xử lý vi phạm (nếu có).

- Phối hợp với các đơn vị chức năng của địa phương trong công tác quản lý bảo đảm an toàn thực phẩm tại địa phương.

- Tuyên truyền cho người dân về phòng chống ngộ độc thực phẩm nói chung và ngộ độc thực phẩm do độc tố tự nhiên nói riêng như độc tố của cóc, sò biển, nấm độc,...đồng thời tuyên truyền người dân không ăn côn trùng lạ, quả lạ có thể gây ngộ độc.

- Tăng cường hoạt động tập huấn về an toàn thực phẩm cho các hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

## **12. Cải thiện vệ sinh hộ gia đình**

- Những nội dung liên quan đến “Cải thiện vệ sinh hộ gia đình” bao gồm: nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh. Tại Quyết định số [318/QĐ-TTg](#) ngày 08/3/2022 Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021- 2025, trong đó có chỉ tiêu 17.8 quy định tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

- Thực hiện theo Quyết định số 94/QĐ-ĐCT ngày 14/4/2022 của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu 17.8 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025././2.633

## Phụ lục II

### Hướng dẫn thực hiện các chỉ tiêu về ATTP do ngành Y tế quản lý trong thuộc Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM và Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Công văn số: /SYT-NVYD, ngày /8/2024 của Sở Y tế)

**1. Chỉ tiêu số 17.10 thuộc Tiêu chí số 17 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM: Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.**

a) Đối tượng áp dụng:

Hộ gia đình, cơ sở sản xuất/kinh doanh thực phẩm do ngành y tế quản lý.

b) Phạm vi áp dụng:

Hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do ngành y tế quản lý tại địa bàn xã (trừ hộ gia đình, cơ sở sản xuất chỉ để tiêu dùng, không bán sản phẩm ra thị trường).

c) Hướng dẫn thực hiện:

TT	Đối tượng	Yêu cầu đạt	Căn cứ pháp lý
1	<b>Hộ gia đình, cơ sở sản xuất thực phẩm do ngành y tế quản lý (*)</b>		
	Cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế	- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và còn hiệu lực; - Giấy xác nhận của chủ cơ sở về việc người trực tiếp sản xuất/chế biến thực phẩm của cơ sở đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm; - Tuân thủ quy định về sức khỏe của người trực tiếp sản xuất/chế biến thực phẩm	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.
2	<b>Hộ gia đình, cơ sở kinh doanh thực phẩm do ngành y tế quản lý (*)</b>		
2.1.	Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống	- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và còn hiệu lực (với đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận) hoặc Bản cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm với cơ quan quản lý (với đối tượng không phải cấp Giấy chứng nhận - Mẫu số 1 kèm theo) - Giấy xác nhận của chủ cơ sở về việc chủ cơ sở và người trực tiếp chế biến thực phẩm của cơ sở đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm - Tuân thủ quy định về sức khỏe của người trực tiếp chế biến/kinh doanh thực phẩm	Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ. Quyết định 35/2020/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn.
2.2.	Cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố và các cơ sở kinh doanh khác thuộc phạm vi quản lý của ngành y tế	- Giấy xác nhận của chủ cơ sở về việc chủ cơ sở và người trực tiếp chế biến, kinh doanh thực phẩm của cơ sở đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ;

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuân thủ quy định về sức khỏe của người trực tiếp chế biến, kinh doanh thực phẩm theo các loại hình hoạt động</li> <li>- Cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm với cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương (Mẫu số 1 kèm theo)</li> </ul>	Quyết định 35/2020/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn.
--	--	---

(\*) Theo quy định tại Phụ lục II Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật An toàn thực phẩm.

d) Yêu cầu mức đạt: 100% số hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do ngành y tế quản lý tại địa bàn xã phải tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

đ) Phương pháp đánh giá:

Cung cấp tài liệu chứng minh xã đạt chỉ tiêu 17.10, bao gồm:

- Danh sách thống kê các hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn (tên hộ gia đình và cơ sở, địa chỉ hộ gia đình và cơ sở theo từng loại hình sản xuất, kinh doanh). Thời điểm cập nhật danh sách yêu cầu không quá 06 tháng tính đến thời điểm tổ chức đánh giá.

- Thông tin việc tuân thủ quy định về an toàn thực phẩm của các hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tương ứng với từng loại hình cơ sở, cụ thể:

+ Số, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (với đối tượng phải cấp).

+ Ngày làm Bản cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm của hộ gia đình/cơ sở.

+ Ngày kiểm tra, cơ quan kiểm tra, kết quả thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ quan chức năng.

**2. Chỉ tiêu 18.4, 18.5 thuộc Tiêu chí số 18 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã Nông thôn mới (NTM) nâng cao.**

2.1. Chỉ tiêu 18.4 - Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm.

a) Hướng dẫn thực hiện:

Đối tượng	Yêu cầu đạt	Căn cứ pháp lý
Cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	- Có Giấy xác nhận của chủ cơ sở về việc chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm của cơ sở đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm	- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ
	- Tài liệu chứng minh đã tham gia tập huấn của cơ quan quản lý nhà nước hoặc cơ quan chuyên môn về quản lý an toàn thực phẩm hoặc bài kiểm tra đánh giá kiến thức về ATTP theo Quyết định số 75/QĐ-ATTP	- Quyết định số 75/QĐ-ATTP, ngày 27/3/2024 của Cục An toàn thực phẩm

b) Yêu cầu mức đạt: 100% số chủ hộ gia đình, chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm.

c) Phương pháp đánh giá:

Cung cấp tài liệu chứng minh xã đạt chỉ tiêu 18.4, gồm: Chương trình, tài liệu tập huấn và danh sách tổng hợp thống kê các hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do ngành y tế quản lý trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã

(tên hộ gia đình và cơ sở, địa chỉ hộ gia đình và cơ sở theo từng loại hình sản xuất, kinh doanh); số lượng chủ hộ gia đình, chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm. Thời điểm cập nhật danh sách yêu cầu không quá 06 tháng tính đến thời điểm tổ chức đánh giá.

*2.2. Chỉ tiêu 18.5 - Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã:*

*a) Sự cố về an toàn thực phẩm là tình huống xảy ra do ngộ độc thực phẩm, bệnh truyền qua thực phẩm hoặc các tình huống khác phát sinh từ thực phẩm gây hại trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng con người.*

*b) Sản phẩm từ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do ngành y tế quản lý trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã không là nguyên nhân gây ra sự cố về an toàn thực phẩm.*

*c) Phương pháp đánh giá:*

Cung cấp tài liệu chứng minh xã đạt chỉ tiêu 18.5, gồm:

- Danh sách thống kê các hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn (tên hộ gia đình và cơ sở, địa chỉ hộ gia đình và cơ sở theo từng loại hình sản xuất, kinh doanh). Thời điểm cập nhật danh sách yêu cầu không quá 06 tháng tính đến thời điểm tổ chức đánh giá.

- Thông tin liên quan đến sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn xã (nếu có) <sup>1</sup>

**3. Chỉ tiêu 8.5 thuộc Tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM: Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm (Yêu cầu đạt: 100%)**

a) Đối tượng áp dụng:

Hộ gia đình, cơ sở sản xuất/kinh doanh thực phẩm do ngành y tế quản lý.

b) Phạm vi áp dụng:

Hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do ngành y tế quản lý tại địa bàn huyện (trừ hộ gia đình, cơ sở sản xuất chỉ để tiêu dùng, không bán sản phẩm ra thị trường).

c) Hướng dẫn thực hiện: Tương tự chỉ tiêu 17.10 nhưng phạm vi áp dụng trên địa bàn toàn huyện.

---

<sup>1</sup> Biểu mẫu điều tra theo Quy chế điều tra Ngộ độc thực phẩm kèm theo Quyết định 39/2006/QĐ-BYT, ngày 13/12/2006; báo cáo theo quy định tại Quyết định số 3081/QĐ-BYT ngày 15/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

**Phụ lục III**  
**Hướng dẫn thực hiện các chỉ tiêu về ATTP do Ngành Nông nghiệp quản lý**  
**trong Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM và Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM nâng cao**  
**giai đoạn 2021-2025**

*(Kèm theo Công văn số: /SYT-NVYD, ngày /8/2024 của Sở Y tế)*

**I. Tiêu chí 17.10 - Bộ tiêu chí xã Nông thôn mới.**

1. Chỉ tiêu: Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: Đạt 100%.

2. Hướng dẫn thực hiện:

a) Đối tượng là các hộ gia đình, cơ sở sản xuất ban đầu, sơ chế, chế biến, kinh doanh nhỏ lẻ nông lâm thủy sản (thuộc đối tượng theo Thông tư 17/2018/TT-BNNPTN).

Nội dung thực hiện: Ký giấy cam kết đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm với UBND xã trên địa bàn hoạt động.

b) Đối tượng là các hộ gia đình, cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh nông lâm thủy sản ngoài điểm a mục này (thuộc đối tượng theo Thông tư 38/2018/TT-BNNPTN).

Nội dung thực hiện: Được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và còn hiệu lực.

3. Hồ sơ minh chứng kèm theo:

- Danh sách thống kê cơ sở quản lý theo Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT mẫu số 4 kèm theo hướng dẫn này và Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT mẫu số 3 kèm theo hướng dẫn này.

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT mẫu số 5 kèm theo hướng dẫn này; Bản ký cam kết về bảo đảm vệ sinh ATTP các cơ sở trong danh sách đã thống kê theo thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT mẫu số 2 kèm theo hướng dẫn này.

**II. Tiêu chí 18.4 - Bộ tiêu chí xã Nông thôn mới nâng cao.**

1. Chỉ tiêu: Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm: Đạt 100%.

2. Hướng dẫn thực hiện: Chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tập huấn kiến thức về sinh an toàn thực phẩm hàng năm.

3. Hồ sơ minh chứng kèm theo: Danh sách các chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản được tập huấn về vệ sinh ATTP của năm thẩm định theo mẫu số 6 kèm theo hướng dẫn này.

**III. Tiêu chí 18.5 - Bộ tiêu chí xã Nông thôn mới nâng cao.**

1. Chỉ tiêu: Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã.

2. Hướng dẫn thực hiện:

Sự cố về an toàn thực phẩm là tình huống xảy ra do ngộ độc thực phẩm, bệnh truyền qua thực phẩm hoặc các tình huống khác phát sinh từ thực phẩm gây hại trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng con người.

Sản phẩm từ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã không phải là nguyên nhân gây ra sự cố về an toàn thực phẩm.

3. Hồ sơ minh chứng: Báo cáo kết quả công tác vệ sinh an toàn thực phẩm của năm thẩm định.

#### **IV. Tiêu chí 8.5 - Bộ tiêu chí huyện Nông thôn mới.**

1. Chỉ tiêu: Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: Đạt 100%.

2. Hướng dẫn thực hiện:

a) Đối tượng là các hộ gia đình, cơ sở sản xuất ban đầu, sơ chế, kinh doanh nhỏ lẻ nông lâm thủy sản (thuộc đối tượng theo Thông tư 17/2018/TT-BNNPTN).

Nội dung thực hiện: Ký giấy cam kết đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm với UBND xã trên địa bàn hoạt động theo mẫu.

b) Đối tượng là các hộ gia đình, cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh nông lâm thủy sản ngoài điểm a mục này (thuộc đối tượng theo Thông tư 38/2018/TT-BNNPTN).

Nội dung thực hiện: Được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và còn hiệu lực.

3. Hồ sơ minh chứng kèm theo:

- Danh sách thống kê cơ sở quản lý theo Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT mẫu số 2 kèm theo hướng dẫn này và Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT mẫu số 3 kèm theo hướng dẫn này của cả huyện.

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT mẫu số 5 kèm theo hướng dẫn này; Bản ký cam kết về bảo đảm vệ sinh ATTP các cơ sở trong danh sách đã thống kê theo thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT mẫu số 2 kèm theo hướng dẫn này.

- Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo (BCĐ) vệ sinh an toàn thực phẩm (ATTP) của huyện và các xã trong huyện; kế hoạch kiểm tra, giám sát của BCĐ vệ sinh ATTP của huyện và các xã trong huyện; Biên bản kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh nông lâm thủy sản theo kế hoạch BCĐ vệ sinh ATTP đã đề ra của năm đề nghị thẩm định.

**Phụ lục IV**  
**Hướng dẫn thực hiện các chỉ tiêu về ATTP do Ngành Công Thương quản lý trong Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM và Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025**

(Kèm theo Công văn số: /SYT-NVYD, ngày /8/2024 của Sở Y tế)

**1. Đối với Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới:** Nội dung Tiêu chí 17.10 Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm 100%:

TT	Đối tượng	Yêu cầu đạt	Căn cứ pháp lý
1	Hộ gia đình		
2	Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	Có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện An toàn thực phẩm còn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền cấp theo phân cấp quản lý tại Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND, ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn	Khoản 1 Điều 11 Nghị định 15/2018/NĐ-CP, ngày 02/02/2018 của Chính phủ
3	Các cơ sở không thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện An toàn thực phẩm theo quy định	Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định của Luật An toàn thực phẩm	- Khoản 1 Điều 12 Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ
		Đã thực hiện việc gửi bản cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm đến Ủy ban nhân dân cấp xã; đối với các cơ sở quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP: đã thực hiện việc gửi bản sao Giấy chứng nhận (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm) đến Sở Công Thương	- Khoản 2 Điều 24 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi tại khoản 1 Điều 10 Nghị định 17/2020/NĐ-CP, ngày 05/02/2020 của Chính phủ
		Có Giấy xác nhận tập huấn kiến thức ATTP đối với Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh còn hiệu lực (do Chủ cơ sở tổ chức tập huấn và xác nhận)	Khoản 5, khoản 9 Điều 10 Nghị định 17/2020/NĐ-CP, ngày 05/02/2020 của Chính phủ
		Người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải bảo đảm yêu cầu về sức khỏe; không bị mắc các bệnh tả, lỵ, thương hàn, viêm gan A, E, viêm da nhiễm trùng, lao phổi, tiêu chảy cấp	

## 2. Đối với Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao:

- Nội dung Tiêu chí 18.4 Tỷ lệ chủ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về An toàn thực phẩm 100%.

TT	Đối tượng	Yêu cầu đạt	Căn cứ pháp lý
1	Chủ hộ gia đình, chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm	100% chủ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về An toàn thực phẩm	

- Nội dung Tiêu chí 18.5 Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi của xã.

TT	Đối tượng	Yêu cầu đạt	Căn cứ pháp lý
1	Hộ gia đình, chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm	Không có sự cố về An toàn thực phẩm	

**3. Đối với Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới:** Nội dung tiêu chí 8.5 Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm 100%:

TT	Đối tượng	Yêu cầu đạt	Căn cứ pháp lý
1	Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	Có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện An toàn thực phẩm còn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền cấp theo phân cấp quản lý tại Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND, ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn	Khoản 1 Điều 11 Nghị định 15/2018/NĐ-CP, ngày 02/02/2018 của Chính phủ
2	Các cơ sở không thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện An toàn thực phẩm theo quy định	Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định của Luật An toàn thực phẩm  Đã thực hiện việc gửi bản cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm đến Ủy ban nhân dân cấp xã; đối với các cơ sở quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP: đã thực hiện việc gửi bản sao Giấy chứng nhận (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm) đến Sở Công Thương	- Khoản 1 Điều 12 Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ  - Khoản 2 Điều 24 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi tại khoản 1 Điều 10 Nghị định 17/2020/NĐ-CP, ngày 05/02/2020 của Chính phủ

	<p>Có Giấy xác nhận tập huấn kiến thức ATTP đối với Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh còn hiệu lực (<i>do Chủ cơ sở tổ chức tập huấn và xác nhận</i>)</p>	<p>Khoản 5, khoản 9 Điều 10 Nghị định 17/2020/NĐ-CP, ngày 05/02/2020 của Chính phủ</p>
	<p>Người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải bảo đảm yêu cầu về sức khỏe; không bị mắc các bệnh tả, lỵ, thương hàn, viêm gan A, E, viêm da nhiễm trùng, lao phổi, tiêu chảy cấp</p>	

**Mẫu số 1**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN CAM KẾT BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM**  
**ĐỐI VỚI CƠ SỞ DỊCH VỤ ĂN UỐNG/KINH DOANH THỨC ĂN ĐƯỜNG PHỐ**

Ngày ..... tháng ..... năm ....., tại:.....

Người đại diện: .....

Loại hình cung cấp/kinh doanh:.....

Địa chỉ/địa điểm: .....

**CAM KẾT**

Thực hiện đúng các quy định về điều kiện an toàn thực phẩm trong cung cấp dịch vụ ăn uống/kinh doanh thức ăn đường phố và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật với những nội dung sau:

(1) Cơ sở tuân thủ đầy đủ các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm, nguồn nước sạch để chế biến thức ăn, nước đá sạch.

(2) Chủ cơ sở và người trực tiếp cung cấp dịch vụ ăn uống có đủ Giấy xác nhận của chủ cơ sở về việc chủ cơ sở và người trực tiếp chế biến, kinh doanh thực phẩm của cơ sở đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm. Tuân thủ quy định về sức khỏe của người trực tiếp chế biến, kinh doanh thực phẩm phù hợp loại hình hoạt động

(3) Cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm với cơ quan chức năng có thẩm quyền của địa phương theo đúng quy định.

**UBND.....**  
**(CƠ QUAN CHỨC NĂNG)**  
*(ký & ghi họ tên)*

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**  
*(ký & ghi họ tên)*

Mẫu số 2

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

**BẢN CAM KẾT**

**Sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn**

Kính gửi:.....

Tôi là: .....

Số chứng minh thư/ thẻ căn cước/mã số định danh công dân: .....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Chủ cơ sở sản xuất/kinh doanh thực phẩm:.....

Địa điểm sản xuất, kinh doanh: .....

Địa chỉ liên hệ: .....

Điện thoại: ..... , Fax: ..... E-mail .....

Mặt hàng sản xuất, kinh doanh: .....

Nơi tiêu thụ sản phẩm: .....

Tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ những yêu cầu bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành trong:

Trồng trọt

Chăn nuôi

Nuôi trồng thủy sản  Khai thác, sản xuất muối

Thu hái, đánh bắt, khai thác đối với nông lâm thủy sản

Sản xuất, kinh doanh thực phẩm là nông lâm thủy sản không có địa điểm cố định

Sơ chế nhỏ lẻ

Kinh doanh thực phẩm là nông lâm thủy sản nhỏ lẻ hoặc kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn

Nếu có vi phạm quy định, chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bản cam kết này được làm thành 02 bản có giá trị như nhau (cơ quan quản lý giữ 01 bản và cơ sở giữ 01 bản).

**Xác nhận của Cơ quan tiếp nhận**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Chủ cơ sở**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Mẫu số 3**

**THÔNG KẾ LẬP DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH  
THỰC PHẨM NÔNG LÂM THỦY SẢN**

*(Quản lý theo thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT)*

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ và số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh		Xếp loại		
			<i>Đã cấp giấy (Số ...ngày tháng năm)</i>	<i>Chưa cấp giấy</i>	A	B	C

**Mẫu số 4**  
**THÔNG KẾ LẬP DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH**  
**THỰC PHẨM NÔNG LÂM THỦY SẢN**  
*(Quản lý theo Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT)*

T T	Tên cơ sở/hộ	Địa chỉ	Loại hình sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản								Ngày /tháng/ năm ký
			Trồng trọt	Chăn nuôi	Nuôi trồng thủy sản	Khai thác, sản xuất muối	Thu hái, đánh bắt, khai thác nông lâm thủy sản	Sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định	Sơ chế nhỏ lẻ	Kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản nhỏ lẻ, kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn	
<b>I</b>	<b>Xã .....</b>										
1	Nguyễn Văn A	Thôn A, xã B....	X	X							.../.../.....
...	.....	.....			X						
..	.....	.....						X			
<b>II</b>	<b>Xã.....</b>										
1	Hoàng Văn B	Thôn C, xã D			X	X				X	
..	.....	.....							X		

**Ghi chú:** Hộ gia đình/cơ sở có sản xuất, kinh doanh có loại hình nào thì đánh dấu: X vào ô đó

Mẫu số 5

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

**CERTIFICATE**  
**OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS**

.....

*(tên Cơ quan cấp giấy)*

*Cơ sở/ Establishment:*

*Mã số/ Approval number:*

*Địa chỉ/ Address:*

*Điện thoại/ Tel:*

*Fax:*

***Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất kinh doanh sản phẩm:***

Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:

1.

2.

*Số cấp/ Number:*                    / XXXX / NNPTNT-YYY

*Có hiệu lực đến ngày      tháng      năm*

Valid until (date/month/year)

*(\*) và thay thế Giấy chứng nhận số: ..... cấp ngày      tháng      năm*

and replaces The Certificate N° ..... issued on (day/month/year)

*....., ngày      tháng      năm/ ..... , day/month/year*

*(Thủ trưởng đơn vị ký tên, đóng dấu)*

---

**Mẫu số 6**  
**Danh sách tập huấn về vệ sinh ATTP**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Loại hình</b> (trồng trọt, chăn nuôi, chế biến, kinh doanh...)	<b>Ghi chú</b>

**Xác nhận của cơ quan, tổ chức  
có thẩm quyền**